TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **58**/2017/HNGĐ-ST Ngày: 17 - 8 - 2017 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hổ và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2017/TLST – HNGĐ , ngày 12 tháng 4 năm 2017, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXX-ST ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. HKTT: Số A, tổ B, khu phố C, đường Q, Phường T, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh; Cư trú tại: Số D khu C, ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Kim Q, sinh năm 1980. HKTT: Số A, tổ B, khu phố C, đường Q, Phường T, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh; Cư trú tại: Số D khu C, ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.; Địa chỉ liên lạc: M, tổ N, khu phố X, phường H, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Kim Q kết hôn tự nguyện và ngày 12/12/2005 được UBND phường T, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, ngày 08/4/2017 hai bên lời qua tiếng lại và ông Q dùng tay gây thương tích nhẹ cho bà H, từ tháng 4/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết hành vi ông Q gây thương tích cho bà H trong vụ án này. Ngoài ra bà H còn cho rằng, từ năm 2015 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông Q sống không có trách nhiệm với gia đình nhưng không được ông Q thừa nhận. Nay bà H xin được ly hôn với ông Q nhưng ông Q

không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trúc A, sinh ngày 25/7/2007 hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ được ông Q đồng ý.

Về tài sản chung: Bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà H và ông Q khai không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Kim Q theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Q vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q theo quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Kim Q kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 12/12/2005 được UBND Phường T, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo hộ. Bà H và ông Q đều thừa nhận: Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên ngày 08/4/2017 hai bên lời qua tiếng lại và ông Q dùng tay gây thương tích nhẹ cho bà H, từ tháng 4/2017 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà H xin ly hôn thì ông Q không đồng ý, ông Q cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng không lớn nhưng ông cũng không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Q ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H xin được ly hôn với ông Q là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trúc A, sinh ngày 25/7/2007. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ được ông Q đồng ý nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà H và ông Q khai không có.

Về án phí:

Bà H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí.

Ông Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Xử cho bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Kim Q ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Trúc A sinh ngày 25/7/2007 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Phạm Kim Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu A thành niên.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Q chậm trả tiền thì hàng tháng ông Q phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà H và ông Q khai không có.

- Về án phí:

Bà H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, theo biên lai thu số 005151 ngày 11/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND P. T, Quận D,
Tp. Hồ Chí Minh (số 251 ngày 12/12/2005)
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Bích Liễu